

GIÁ TRỊ BIỂU ĐẠT CỦA THÀNH NGỮ TRONG TRUYỆN NGẮN ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

THE EXPRESSIVE VALUE OF VIETNAMESE IDIOMS
IN THE MEKONG DELTA SHORT STORIES

NGUYỄN THỤY THÙY DƯƠNG

(ThS; Trường Đại học Cần Thơ)

1. Dẫn nhập

Thành ngữ tiếng Việt là viên ngọc quý của ngôn ngữ dân tộc Việt Nam. Viên ngọc ấy qua mấy nghìn năm được sử dụng, nâng niu và càng mài thì càng sáng, càng đẹp. Đặc biệt, giá trị biểu đạt của thành ngữ được phát huy triệt để trong các sáng tác văn chương. Với tính chất ngắn gọn, súc tích và hình tượng, thành ngữ đã trở thành chất liệu ngôn ngữ đặc sắc được các nhà văn, nhà thơ sử dụng một cách điêu luyện.

Đọc truyện ngắn Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), có thể thấy, cùng với vốn từ địa phương Nam Bộ, các thành ngữ được sử dụng trong tác phẩm đã mang đến cho trang viết những gam màu đặc trưng, thanh âm mộc mạc và hơi thở trong trẻo của văn hóa sông nước đồng bằng châu thổ sông Cửu Long. Nhờ tính biểu trưng và hàm súc, thành ngữ giúp cho phát ngôn của nhân vật và lời văn của tác giả trở nên súc tích mà đầy cảm xúc. Những nét đặc trưng của địa phương đã được những người con của quê hương miêu tả sinh động, vừa hình tượng vừa cụ thể với nhiều cung bậc tình cảm chân thành và tinh tế.

Với mong muốn làm rõ nét đặc sắc trong việc vận dụng thành ngữ cũng như giá trị biểu đạt của thành ngữ, chúng tôi tập trung khảo sát một số tuyển tập truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long. Cụ thể là: “*Tuyển tập truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long 1975- 1995*”, “*Truyện ngắn miền Tây*” (gồm 2 tập), “*Văn & Thơ Cần Thơ*”, “*Tuyển tập 18 nhà văn Đồng bằng sông Cửu Long*” và tập truyện ngắn “*Cánh đồng bất tận*” của Nguyễn Ngọc Tư.

2. Giá trị biểu đạt của thành ngữ trong truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long

Bằng cách sử dụng thành ngữ vào những trang miêu tả thiên nhiên - cảnh vật, phản ánh

hiện thực xã hội và xây dựng hình ảnh con người, các tác giả đã làm nổi bật giá trị biểu đạt của chúng trong những truyện ngắn ĐBSCL.

2.1. Miêu tả thiên nhiên, cảnh vật ĐBSCL

Trong truyện ngắn ĐBSCL, thành ngữ đã trở thành những chất liệu, màu sắc quý giá để các tác giả có thể khắc họa bức tranh thiên nhiên, đất trời, cảnh vật của vùng đồng bằng châu thổ thật sinh động và chân thực từ nhiều góc nhìn, hoàn cảnh khác nhau. Có thể kể ra một số thành ngữ như: *đồng không mông quạnh, khi ho cò gáy, cây nhà lá vườn, hoa đồng cỏ nội, gạo trắng nước trong, ma thiêng nước độc, thương cảm hạ thú, danh lam thắng cảnh, đất lành chim đậu, mưa gào gió thét, đỏ như máu, sấm giông chớp giạt, mặt sóng lười búa, phong cảnh hữu tình,...*

2.1.1. Thiên nhiên hoang vu, vắng vẻ, heo hút

So với tất cả mọi miền đất trên đất nước Việt ta, vùng Nam bộ nói chung hay vùng ĐBSCL nói riêng vẫn là một vùng đất mới, được khai phá khá muộn. Theo dòng thời gian, dù người ĐBSCL đã đến khai khẩn, sinh sống khá lâu nhưng tính chất hoang sơ và heo hút của miền Tây châu thổ vẫn còn đậm nét. Đến với những tuyển tập truyện ngắn ĐBSCL, chúng ta có thể hình dung được bức tranh thiên nhiên khá nguyên sơ, âm u, vắng vẻ nơi đây.

Người dân ĐBSCL gắn bó cuộc đời mình với thiên nhiên, sử dụng, nuôi dưỡng, phát triển chúng để sinh sống, lao động và mưu sinh. Tuy nhiên, qua năm tháng, bên cạnh cuộc sống lầm lụi và khó khăn của người dân, cảnh vật thiên nhiên vùng này vẫn còn rất hoang vu, hoang vắng.

“*Đồng không mông quạnh*” là một khung cảnh quen thuộc và thường thấy ở bất kì một thôn quê nào đó trên miệt sông nước miền Tây: giữa trời đất bao la, mênh mông chỉ có cây cối và cỏ dại, không một bóng người. Trong rất nhiều truyện ngắn ĐBSCL, đây là một hình ảnh xuất hiện khá thường xuyên: “*Tôi không hình dung được gì cả, tưởng tượng cũng không, cùng người bạn, hai tôi lên đường đi xe hơi rồi xe lam, xuống sông đi đò máy đò chèo, cuối cùng lợi bộ băng đồng. Đúng là đồng không mông quạnh. Nhà cửa thưa thớt, ruộng vườn cũng không tươi tốt gì.*” [3, tr.614].

Thành ngữ “*khi ho cò gáy*” xuất hiện khá nhiều trong các tuyển tập. Đây là thành ngữ có khả năng tái hiện một cách chân thực những nét đặc trưng không thể thiếu ở thôn xóm miền Tây: vắng vẻ, heo hút, không có người qua lại. Trong bức tranh ấy, chỉ có âm thanh, hình ảnh của đất trời, của các loài sinh vật mà thôi. Với một loạt những ngữ cảnh khác nhau có sử dụng thành ngữ “*khi ho cò gáy*”, chúng ta có thể hình dung được bức tranh cuộc sống vắng lặng, lạc hậu, xa xăm ở một thôn quê hiu hắt nào đấy nơi miệt thứ miền Tây:

“*Ờ... Họ có giỏi để khỏi xâm canh thì kéo nhau cha, con, chồng, vợ gồng gánh gia tài vô mảnh đất khi ho, cò gáy đó mà cất nhà, mà làm mấy công theo định mức phân chia nhân khẩu.*” [5, tr.26].

Qua ngòi bút của các nhà văn, mỗi thành ngữ “*khi ho cò gáy*” đã đem đến những sắc thái hình ảnh, giá trị biểu đạt khác nhau. Trong lời kể, lời tâm sự, dù các nhân vật không trực tiếp miêu tả cụ thể, dài dòng về mảnh đất mình đang nói đến, nhưng chỉ cần họ dùng thành ngữ “*khi ho cò gáy*” thì cũng giúp người đọc hình dung được mảnh đất ấy. Mỗi ngữ cảnh là những lời diễn tả, nhận xét về một nơi chốn riêng biệt với những xúc cảm khác nhau, nhưng phảng phất đâu đó vẫn là nét chung không thể khác ở các mảnh đất: cái heo hút, chân quê nhưng quen thuộc và mộc mạc.

2.1.2. Khung cảnh thời chiến tranh

Lịch sử đất nước ta đã phải đi qua một thời kì vô cùng gian khó nhưng thật hào hùng của cuộc chiến tranh vệ quốc ác liệt. Cùng với

miền Bắc thân yêu, cờ hoa rực rỡ của chiến thắng chỉ thật sự được giương cao trên bầu trời miền Nam một ngày cuối tháng Tư lịch sử. Tuy nhiên, dưới bàn tay tàn bạo của chiến tranh, thiên nhiên đất trời đã cùng với con người hứng chịu biết bao sự tàn phá và hủy diệt và những vết thương thì vẫn còn đó, chưa phai. Truyện ngắn ĐBSCL đã ghi lại không ít hình ảnh thiên nhiên của những năm tháng đấu tranh không bao giờ quên ấy.

Đó là khung cảnh khốc liệt của chiến tranh: “*Đoàn quân vượt sông, không vội vã. Đêm hòa châu đỏ lôm. Bom ngừng cất, lữ pháo bầy phóng vào Vòng Cung, rít xé trời, nổ tung từng trang tóe lửa như sấm giăng chớp giạt xua mặt sóng lười búa chồm tới và vào mạn thuyền, phá vào mặt rợn gáy, lạnh sóng lưng.*” [3, tr.474-475].

Nơi chiến tuyến Vòng Cung, một địa điểm trọng yếu của miền Tây đất nước ta thời kháng chiến, hình ảnh biết bao trận đánh oai hùng khác đã diễn ra thật ác liệt. Bằng cách dùng hai thành ngữ ẩn dụ “sấm giăng chớp giạt” và “mặt sóng lười búa”, tác giả Nguyễn Khai Phong đã lấy những hình ảnh thiên nhiên giật dữ (sấm, chớp, sóng, lười búa) để tái hiện lại những dữ dội, hiểm nguy của bom rơi đạn nổ kẻ thù đang giăng bủa lên các chiến sĩ ta. Nhờ những hình ảnh tượng trưng này, người đọc có thể cảm nhận hết cái ác liệt của trận giáp chiến, hòa cùng cảm giác “*rợn gáy, lạnh sóng lưng*” của các nhân vật.

Như vậy, có thể thấy rằng, thành ngữ miêu tả thiên nhiên trong các ngữ cảnh có tác dụng làm phong nền cho những đoạn văn tái hiện cuộc đấu tranh cứu quốc, chống lại kẻ thù xâm lược của chiến sĩ ta. Đôi khi, những thành ngữ ấy trở thành một nét nhấn đặc biệt, đóng vai trò như một lời dự báo cho những sự việc, tình tiết sẽ diễn ra trong truyện ngắn.

2.1.3. Thiên nhiên dân dã và hữu tình

Đi qua những năm tháng chiến tranh lửa đạn, vết thương ngày cũ của đất trời - vạn vật rồi cũng sẽ lành. Bức tranh thiên nhiên miệt sông nước Cửu Long đã trở về với vẻ đẹp thơ mộng, dân dã của nó. Những ai đã một lần đến với miền Tây, sẽ không bao giờ quên được

những cảm xúc lãng mạn của mình khi được đứng trước bức chân dung đẹp đến nao lòng của nàng thiên nhiên nên thơ, hữu tình với mệnh mang sóng nước, xanh ngát ruộng đồng, dịu dàng hoa cỏ và những gam màu lãng mạn của hoàng hôn, của khói lam chiều hoặc vẻ hồn hậu của những điểm nhấn là con người, là cánh diều, là cò bay, chim lượn hiện lên thật sống động, nên thơ. Qua những thành ngữ “*mịn như tơ*”, “*hoa đồng cỏ nội*”, tác giả đã buông những nốt nhấn riêng biệt cho một bài tình ca êm dịu hát về vùng đồng bằng châu thổ yên bình, giản dị: “*Thời bình đám trẻ đặt cho nó cái tên mới mơ mộng hơn - Ngã ba Chiêu tìm...Chiều ở đây thương lắm. Máy cánh cò trắng như câu ca dao chép dở trên trời. Chân trời xa nhuộm hồng màu ráng đỏ. Chút khói lam bay nhẹ về thôn... Và bóng tối mịn như tơ, mong manh như sương khói êm đềm quán hoa đồng cỏ nội, đắp đầy lên những tiếng côn trùng yên ả mông lung.*” [5, tr.108].

Vẻ đẹp “*hoa đồng cỏ nội*” của đất trời miền Tây còn được thể hiện ở nhiều điều thú vị khác nữa. Nói đến ĐBSCL, người ta hay nhắc đến những ngày nước lũ ngập đồng, bơi xuồng ra mệnh mông sóng nước để thả thêu hái màu vàng của bông điên điển, chắt đầy xuồng đem về nhà. Ví dụ: “*Tôi nhớ mùa bông điên điển. Nhớ tới dòng sông đêm chày lóc bóc dưới be xuồng. Cái đêm gió đổi mùa ấy, hăng hắc mùi cò gà, thơm thơm mùi cò sữa. Hai con chuột đồng đuổi nhau rình rích, chắc đã sinh đàn sinh lũ. Cò đồng đầy ra đấy, chúng mày đừng có mà ăn lúa.*” [1, tr.555]. Người viết thâm nghĩ: đàn chuột đồng đuổi nhau rình rích trong mùa điên điển thơ mộng ấy có lẽ đã rất hạnh phúc và *sinh đàn sinh lũ*. Vạn vật rồi sẽ sinh sôi nảy nở nếu được sống trong một không gian yên bình và được tạo mọi điều kiện để phát triển. Tự hỏi, nếu thiếu đi cái mùa nước nổi triền miên và khó khăn ấy, ắt hẳn thiên nhiên miền Tây sẽ vắng mất sắc màu mộc mạc và gần gũi của vàng điên điển, trắng trời sông nước và con người sẽ vắng mất khoảnh khắc dịu ngọt của hơi ẩm gia đình những buổi chiều quây quần bên nồi canh chua nghi ngút khói. Mùa bông điên điển đã đi

vào tiềm thức, nơi có những kí ức dịu dàng về tình yêu, tình cảm gia đình đầm ấm, yêu thương. Tất cả là nhạc, là họa, là thơ để một lần ước mơ được chạm vào nỗi nhớ mông lung,...

2.1.4. Thiên nhiên trù phú và tràn đầy sức sống

Thiên nhiên ĐBSCL không chỉ nổi bật với nét dân dã và hữu tình. Qua dòng hồi tưởng, nhớ thương và tự hào của những đứa con xa quê, ĐBSCL chính là mảnh đất của yêu thương gắn bó nghĩa tình, của mông mênh sông nước, bạt ngàn đồng ruộng và cây trái. Khi được ai đó hỏi điều gì làm mình tự hào nhất về quê hương, chắc chắn mọi người con của vùng đồng bằng sẽ trả lời ngay: sông nước, ruộng đồng và cây trái. Vùng đất châu thổ còn là một người bạn thân thiện, tốt bụng dang tay yêu thương và che chở tất cả những mảnh đời tứ xứ. Nếu biết chăm chỉ lao động, con người sẽ là chủ sở hữu của những mảnh đất phì nhiêu, màu mỡ: “*Tại sao có người giàu như ông Cà Phát xóm tôi, ruộng đất cò bay thẳng cánh, gạo lúa đầy bồ, người làm tấp nập.*” [3, tr.218]. Thành ngữ “*cò bay thẳng cánh*” được lặp lại không ít lần trong các tác phẩm. Đó là một hình ảnh tượng trưng khi nói về những mảnh đất rộng bát ngát ở miền Tây. Không như ở những vùng miền khác, việc một người nông dân có trong tay những mảnh ruộng, vườn cây *cò bay thẳng cánh* như vậy không phải là một chuyện quá xa lạ.

Thành ngữ “*gạo trắng nước trong*” đã trở thành một nét đặc trưng, một dấu ấn đậm nét cho miệt vườn sông nước Cửu Long, đặc biệt là vùng đất Tây Đô trù phú về sản vật và tiềm năng đồng bằng. Thiên nhiên đã ưu ái ban tặng cho người dân nơi đây hạt gạo dẻo thơm, những dòng sông rạt rào sóng nước và vườn cây trái xanh quả, trĩu cành. “*Gạo trắng nước trong*” đã nói lên được hết cái sung túc, đầy đủ của mảnh đất đồng bằng châu thổ: “*Từ bến Ninh Kiều tôi đi đò máy xuôi tôm qua cồn. Sông Hậu trải ra mệnh mông xanh ngắt, Cồn Ấu hiện xanh biếc những vườn cây trĩu quả của miền châu thổ, ngọt ngào. Hèn gì người ta hát: “Cần*

Thơ gạo trắng nước trong-Ai đi đến đó lòng không muốn về" [2, tr.203].

Vùng đất ĐBSCL "*đất lành chim đậu*" với những thôn làng "*cò bay thẳng cánh*", "*hương đồng gió nội*", "*gạo trắng nước trong*" ấy còn là bà mẹ bao dung và hiền hậu, luôn mở rộng lòng mình, luôn có sẵn một vòng tay nghĩa tình dành cho những kiếp người lang bạc hay những người con xa xứ chăm chỉ, thật thà và yêu lao động: "*Cái vùng quê không mấy sung túc, và dòng sông bên lở bên bồi, có đoạn còn trơ ra đất sét xanh, cái nôi của tuổi thơ tôi còn là nơi đất lành chim đậu cho những người tứ xứ tha phương cầu thực như bác Lâm già và lão ăn mày.*" [3, tr.215].

Với vẻ đẹp thơ mộng và tiềm năng đa dạng, phong phú như vậy, miền đất ĐBSCL tương lai sẽ là một trong những miền đất giàu có và trù phú "*nút đố đố vách*" là điều thật dễ hiểu, như lời nhân vật Ông Khắc trong "Người khách đến thăm vườn nhà tôi" của Anh Đức: "*Ông Khắc kêu lên: - Cứ như đất và nước thế này mà biết làm ăn đúng mức thì nước ta rồi sẽ giàu nút đố đố vách chứ không à.*" [3, tr.135].

Qua những thành ngữ được sử dụng trong những tuyển tập truyện ngắn ĐBSCL, thiên nhiên đất trời miền Tây Nam bộ hiện lên thật sinh động, chân thực. Bức tranh ấy tuy không phải lúc nào cũng hiện hữu thiên nhiên trù phú, hữu tình, yên bình nhưng nó là bức tranh được vẽ nên bởi chính tấm lòng nhớ thương, gắn bó của những nhà văn đồng bằng: mộc mạc, giản dị trong cách viết và tinh tế, sắc sảo trong cách nhìn.

2.2. Phản ánh hiện thực xã hội ĐBSCL

Nổi bật lên trên cái nền thiên nhiên, đất trời mênh mông sông nước ấy là những hình ảnh về cuộc sống hàng ngày của người dân vùng đồng bằng. Các tác giả ĐBSCL đã dành rất nhiều thành ngữ để phản ánh một cách rõ nét hiện thực xã hội của vùng đất này. Qua cái nhìn tinh tế của các nhà văn, bức tranh cuộc sống với những thực trạng không phải lúc nào cũng "màu hồng" đã hiện lên sống động như những thước phim quay chậm. Những thước phim ấy đã hướng về cuộc sống từ nhiều góc

nhìn, nhiều hoàn cảnh với thời gian và không gian khác nhau.

2.2.1. Cuộc sống gian khổ, mất mát từ chiến tranh

Cùng với bức tranh thiên nhiên dữ dội và mang tính dự báo tương lai, cuộc sống li tán, mất mát vì chiến tranh nơi chiến trường ĐBSCL cũng được các cây bút phác họa sắc nét. Những trang viết ấy luôn để lại những nỗi suy tư, day dứt khôn nguôi trong lòng người đọc.

Sau cơn bão ác liệt của chiến tranh, những mất mát cả về vật chất lẫn tinh thần đã giày xéo lên mảnh đất đồng bằng châu thổ an bình. Hình ảnh thương tâm của những chiến sĩ không còn lành lặn về thể chất và những câu chuyện "kẻ còn người mất" của người trong cuộc đã trở thành những trang viết thấm nước mắt đem đến nhiều xúc cảm. Trong kí ức của những người chiến sĩ cách mạng, tình cảm đồng đội thấm thiết và thiêng liêng không khác gì tình cảm anh em ruột thịt hay tình cảm vợ chồng, tình phụ mẫu. Đối với người lính, người đồng đội như một phần trên thân thể của mình vì họ đã từng cùng nhau *vào sanh ra tử*, cùng chia ngọt sẻ bùi từng miếng ăn, cái mặc. Thành ngữ "*vào sanh ra tử*" đã phản ánh được hết những nguy hiểm không lường và lòng dũng cảm, kiên cường của người chiến sĩ vệ quốc. Họ xem những giây phút cận kề cái chết ấy là những giây phút đáng sợ nhưng cũng rất thiêng liêng: "*Vì bất kì ở đâu hay nói với ai hay nói một mình, ba tôi cũng kể vài ba câu chuyện rằng ông có một người đồng đội mà ông rất thương mến, anh ta có vợ và hai đứa con, anh ta còn mẹ già, anh đã chiến đấu anh dũng và hy sinh ra sao. Rồi những ngày hai người sống bằng nước lá, rau rừng, cùng vào sanh ra tử, từng nhường nhau tấm áo miếng cơm ra sao.*" [5, tr.221].

Vì nhiệm vụ lớn lao với tổ quốc, bản thân mỗi người đều phải nén đau xót vào lòng và cố gắng hoàn thành nhiệm vụ: "*Không muốn làm giảm nhịp độ hành quân, tôi quyết đòi ở lại dù biết rằng cánh võng giữa rừng già có thể là nắm mỏ của tôi. Biết không thể khuyên can gì được, đồng đội tôi đành phải nuốt lệ ra đi.*" [4, tr.233].

Cái chết, đối với người lính nhẹ tựa lông hồng thì có nghĩa gì đâu những cuộc chia li “ngàn trùng cách trở”. Thành ngữ ấy là một hoàn cảnh trái ngang mà bất kì một người lính nào cũng đều gặp phải: xa gia đình, người thân để đi chiến đấu: “*Mãi đến năm 1963, tôi mới được về Nam, được điều về một đơn vị chủ lực ở miền Đông, cứ đi, đi mãi trên các chiến trường. Miền Đông với miền Tây nào có bao xa, mà ngàn trùng cách trở. Tôi rất nóng lòng rất muốn biết tin tức mẹ và em tôi, nhưng làm sao mà biết được*” [3, tr.544].

Qua những thành ngữ trong truyện ngắn ĐBSCL, cuộc chiến tranh vệ quốc nhiều gian khổ, lắm mất mát và hi sinh đã hiện lên thật sắc nét. Không cần phải diễn đạt dài dòng, những thành ngữ đã trở thành một đơn vị từ vựng đặc sắc để các nhà văn tái hiện lại những ngày tháng “không bao giờ quên” ấy: Vì đất nước, “quyết tử cho tổ quốc quyết sinh”, chiến sĩ ta sẵn sàng hi sinh tất cả.

2.2.2. Cuộc sống gia đình không trọn vẹn

Qua các tuyển tập truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long, từng câu văn tuy ngắn ngủi thôi nhưng được chắt chũa bằng nhiều thành ngữ đã tạo nên một bức chân dung cuộc sống sắc sảo và đượm buồn, gợi cảm sự trân trọng yêu thương và cảm thông của người viết dành cho những thân phận cơ nhỡ, dành cho những con người mà nay dưới mái nhà của họ, mái ấm gia đình đã không còn trọn vẹn.

Từ hệ quả của cuộc chiến tranh, những mất mát, đau thương vẫn còn đó trên những gia đình mà nhiều vành khăn tang luôn phủ đầy lên đó: “*Những người già thì nói rằng: Có mang máng nhớ đến ông bà ngoại tôi, nhưng hai người mất sớm lắm, nên sau này, đã mấy chục năm, đời nhiều dâu bể, rồi chiến tranh loạn lạc, chết chóc trong chớp mắt, không biết con cháu họ mất còn hay tán lạc phương nào?*” [2, tr.204].

Thành ngữ “*đời nhiều dâu bể*” là một cách nói nhẹ nhàng nhưng lại lột tả hết những trắc trở, bi thương, và đôi khi là sự tráo trở của quy luật cuộc đời: cuộc đời mà không nhiều dâu bể thì đâu còn là cuộc đời nữa. Nén chặt trong thành ngữ, người ta vẫn cảm nhận ở đó một sự cam chịu, một nỗi đau âm ỉ kéo dài khi nhắc

đến những thân phận nhỏ bé, lạc lõng và bị vùi dập giữa sóng gió cuộc đời.

Một mái ấm gia đình trọn vẹn thật khó mà tìm thấy: “*Tết nhứt không lo ăn Tết, một năm chi có mấy ngày, bộ chết tới nơi rồi hay sao mà gắp dĩa vậy. Vợ con không có, cha mẹ chết hết, còn một thân một mình mà lo chi cho già sớm.*” [1, tr. 489] và “*Thấm thoát sáu năm trôi qua, mẹ con chị phải sống trong cảnh cơm hàng cháo chợ, sớm chiều đi biển mò côi một mình.*” [3, tr.528].

Những thành ngữ trên đã kể cho ta nghe về số phận của những con người bé nhỏ và cô đơn giữa cuộc đời. Họ như những hạt bụi bơ vơ luôn mong mỏi tìm thấy một hơi ấm thân quen của mái ấm gia đình nhưng chẳng bao giờ có được.

2.2.3. Cuộc sống nghèo khổ, thiếu thốn đủ vát và mưu sinh

ĐBSCL là một vùng đất trù phú và giàu tiềm năng. Tuy nhiên, do hệ quả của chiến tranh và tác động ngoài ý muốn của kiếp sống “*rày đây mai đó*”, mảnh đất sông nước miền Tây vẫn còn đó những mảnh đời nghèo khổ, đói rách. Những vát vả, khó khăn của cuộc sống “*cơm, áo, gạo, tiền*” hàng ngày luôn đè nặng lên đôi vai bé nhỏ của họ. Bằng việc sử dụng nhiều thành ngữ, các tác giả đã dùng ngôn từ vẽ nên một bức tranh cuộc sống mưu sinh hàng ngày vô cùng thiếu thốn, vát vả của những con người quanh năm lao động khổ cực mà cuộc sống vẫn thiếu trước hụt sau. Những hình ảnh ấy hiện lên thật sinh động, chân thực, gợi nên nhiều xúc cảm nơi người đọc. Có thể kể đến những thành ngữ như: *ăn bờ ngủ bụi, ăn đói mặc rét, ba chìm bảy nổi, buôn tần bán tảo, cày thuê cuốc mướn, chạy đôn chạy đáo, chịu thương chịu khó, con ong cái kiến, cơm hàng cháo chợ, dầm mưa dãi nắng, đầu đường xó chợ, làm thuê làm mướn, miếng cơm manh áo, rày đây mai đó, nghèo rớt mùng tơi, nghèo kiệt xác, tay lấm chân bùn, trăm dâu đổ đầu tằm, trăm đắng ngàn cay,...*

Đó là bức tranh về một cuộc sống cực nhọc, thiếu thốn:

“*Ông có biết không, vợ tôi vì thiếu thuốc men mà chết để lại cho tôi hai con nhỏ. Đứa lớn mới tám tuổi mà phải theo cha lặn lội làm mướn làm*

thuê, mò cua bắt ốc để nuôi em nhỏ mới lên năm. Vậy mà com không no áo không lành, thường xuyên ăn cháo." [3, tr.218].

"Ngày nay xóm ông, ấp ông, xã ông vẫn có hàng chục gia đình như vợ chồng Tư Bàn, Chín Trường, Ba Chi chẳng khác nào như vợ chồng ông ngày xưa chưa được Việt Minh cấp ruộng, không có cục đất ném chim. Giờ họ vẫn đi làm thuê làm mướn suốt tháng quanh năm cho những người rộng vườn, khá ruộng (trong đó có ông) để đong gạo từng ngày nuôi con." [3, tr.93].

Bản thân mỗi thành ngữ bốn âm tiết "làm thuê làm mướn", "com không no áo không lành", "suốt tháng quanh năm", "mưa dột nắng dội" tuy thật ngắn gọn nhưng đã miêu tả thật súc tích cuộc sống đói nghèo, thiếu thốn và vô cùng nhọc nhằn, khổ cực của những con người thấp cổ bé họng nơi vùng đất ĐBSCL. Cuộc đời họ quanh năm suốt tháng có lẽ chỉ quanh đi quẩn lại với cuộc sống lao động nặng nhọc để vượt qua cái đói nghèo và tránh khỏi cảnh mưa dột nắng dội. Nhưng rồi, có lẽ cái nghèo, cái đói, cái khổ sẽ đeo bám họ không chỉ cho đến hết cuộc đời, mà từ đời này sang đời khác. Từng nhân vật, từng hoàn cảnh chính là những mảnh ghép không tròn trịa của cuộc đời trên bức tranh cuộc sống nơi miệt xứ miền Tây lắm gian nan và khó nhọc. Đọc đến những trang viết này, chúng ta không khỏi xót xa cho những mảnh đời tội nghiệp.

2.2.4. Cuộc sống phức tạp với lối sống tiêu cực thời cơ chế thị trường

Bên cạnh việc khắc họa cuộc sống vất vả, nghèo khổ của những người dân đồng bằng, các tác giả cũng đã dũng cảm vạch ra những mảng tối trong lối sống của dân cư nơi này. Đó là một cái nhìn hiện thực khá sắc sảo nhưng cũng lắm chua cay.

Qua việc miêu tả một cách đầy đủ, rõ nét cuộc sống phức tạp thời cơ chế thị trường, các tác giả ĐBSCL đã phản ánh những thói hư tật xấu và lối sống tiêu cực của một bộ phận cư dân nơi đây một cách không ngần ngại, không che giấu bằng rất nhiều thành ngữ như: *ăn cháo đá bát, ăn chơi trác táng, ăn cổ đi trước, lợi nước theo sau, ăn không ngồi rồi, bán trời không mời thiên lôi, bẻ ai người nấy chống, bòn*

tro dãi trấu, cháy nhà lòì mặt chuột, đem con bỏ chợ, hết xôi rồi việc, tiền trao cháo múc, tốt mã rã đám, trường giả học làm sang, vung tiền qua cửa sổ... Chẳng hạn: "Nghe đầu sau này ông cũng khổ lắm. Có một cậu quý tử cho du học bên Tây về chẳng làm nên tích sự gì, chỉ ăn chơi trác táng" [4; tr.222]; hay "Trong xóm còn có cô Huệ bị chồng bỏ theo bồ nhí. Thôi thì "ông ăn chả bà ăn nem", cô đã lao vào con đường ăn chơi sa đọa, kiếm tiền bằng "vốn tự có."" [3; tr.70].

Qua ngòi bút hiện thực của mình, các tác giả đã miêu tả những góc tối trong tính cách, lối sống tiêu cực của một bộ phận con người, từ đó tìm cách lí giải tình trạng xung đột, phức tạp và những rạn nứt trong thế giới tâm hồn trước những biến thiên của hoàn cảnh lịch sử - xã hội. Có thể thấy rằng, trong truyện ngắn ĐBSCL, với những thành ngữ phê phán lối sống ích kỉ, hẹp hòi, đua đòi, hưởng thụ và trác táng của một bộ phận người dân, các tác giả đã kín đáo bộc lộ những suy tư, tự vấn đau đóm của mình trước bối cảnh xã hội có tính chất giao thời. Hơn nữa, qua việc xây dựng những nhân vật với nhiều thói hư tật xấu riêng, với bút pháp tả thực của mình, các cây bút đã giống lên một hồi chuông cảnh báo về tình trạng xuống cấp của đạo đức trong cuộc sống hiện đại và lời kêu gọi mọi người hãy chung tay đẩy lùi những mảng tối ấy khỏi lối sống và tâm hồn mình.

2.3. Xây dựng hình ảnh con người ĐBSCL

Nổi bật lên trên những hình ảnh tinh tế và sống động về thiên nhiên và hiện thực cuộc sống xã hội ĐBSCL là một thế giới nhân vật vô cùng phong phú và đa dạng được vẽ nên bởi ngòi bút yêu thương và cái nhìn sắc sảo của các nhà văn đồng bằng châu thổ miền Tây. Thông qua việc miêu tả nhân vật ở nhiều khía cạnh khác nhau: ngoại hình, thân phận - hoàn cảnh, tâm trạng - trạng thái, hành động và tính cách, các nhà văn muốn vẽ nên hình ảnh chân thực về những con người miệt vườn sông nước Cửu Long.

2.3.1. Ngoại hình

Trong các truyện ngắn ĐBSCL, khi xây dựng hình ảnh con người, có thể nhận thấy rằng các tác giả không dành nhiều trang viết để miêu tả ngoại hình. Điều này có lẽ chịu ảnh hưởng của thể loại truyện ngắn vốn không đặt nặng về vấn đề ngoại hình nhân vật. Tuy nhiên, trong một số lượng khiêm tốn những thành ngữ miêu tả ngoại hình, với mỗi thành ngữ là một nét phác họa về nhân vật. Chẳng hạn, để nói về vẻ đẹp của người phụ nữ, các tác giả dùng những thành ngữ như: *da trắng tóc dài, ăn trắng mặc trơn, đẹp như tranh vẽ, gái một con trông mòn con mắt, trắng như tuyết, chim sa cá lặn, mắt xanh môi đỏ, ...* Ví dụ:

"Ai bảo *da em trắng tóc em dài* anh Thuận há? [3, tr.403].

"*Nó thương má quá, ở tuổi bốn mươi của má, máy bà giàu có nhàn nhẽ ăn trắng mặc trơn đẹp như tranh vẽ, riêng má nó cực hơn ai hết, quần quật suốt ngày chăm sóc các con, một miếng ăn ngon để dành nhường nhịn.*" [2, tr.26].

"*Bà Tuyết Lan dạy ngữ âm năm thứ hai ấy mà... Bây giờ lấy được chồng rồi coi bộ đẹp hẳn ra. Mắt xanh, môi đỏ chót, má hồng... hẳn hoi chứ không có lụi xụi như hồi đó nữa đâu nghe.*" [1, tr.342].

Khi cần miêu tả ngoại hình với ngụ ý nói đến một nét tính cách hay cảnh ngộ riêng nào đó của nhân vật, cách dùng thành ngữ miêu tả ngoại hình của các tác giả cũng có sự lựa chọn và cân nhắc hơn. Ví dụ:

"*Thằng con trai lớn xộn vậy mà nó cứ giống như "gái một con trông mòn con mắt", may có đi mấy bước nữa cũng được, ai mà ngờ...*" [3, tr.597]

"*Nhưng thông thường hễ xa mắt thì cách lòng, con Miên cũng đâu phải hạng "chim sa cá lặn" gì. Mấy năm trời lén lút gặp gỡ, thằng nó cũng nản đem lòng yêu một con hoa khôi trường Gia Long.*" [2, tr. 348].

2.3.2. Cảnh ngộ, thân phận

Trong các truyện ngắn ĐBSCL, các nhân vật hiện lên với nhiều thân phận, nhiều cảnh ngộ khác nhau. Với cơ chế thị trường của thời mở cửa, việc phân chia giai cấp giàu - nghèo lại càng rõ hơn. Xuất hiện nhiều nhất trong các tuyển tập truyện ngắn ĐBSCL vẫn là cảnh ngộ đáng thương, đôi khi đến bi đát của những

thân phận "thấp cổ bé họng", quanh năm vất vả với ruộng đồng, làm việc tảo tần khổ nhọc mưu sinh hay hoàn cảnh đáng thương của những con người cô độc, kiếp lang bạt không nhà, tha phương cầu thực. Đây chính là những hoàn cảnh thường thấy trong xã hội miền Tây sông nước còn nghèo khổ, khó khăn: "*Một cuộc đời ba chìm bảy nổi của ông đã có đủ đắng, cay, ngọt bùi, sướng, khổ*"

Thành ngữ "*con ong cái kiến*" là một thành ngữ ẩn dụ mang tính biểu trưng cao tượng trưng cho thân phận nhỏ nhoi, yếu đuối của những con người thấp cổ bé họng, nghèo khổ trong xã hội phân chia tầng lớp giàu-nghèo, mạnh - yếu. Được đặt trong ngữ cảnh này, thành ngữ có tác dụng làm tăng thêm sự tủi thẹn và xót xa đang diễn ra trong lòng nhân vật: "*Tôi kéo mạnh cánh cửa vô sát vách, tủi bấy phận mình không bằng con ong cái kiến. Loài ong kiến còn tự do đánh bại kẻ nào toan xâm chiếm ổ hang của chúng. Còn tôi thì có nước nằm đây chờ chết*" [3, tr.377].

Một loạt các thành ngữ: *nghèo rớt mùng toi, nghèo kiệt xác, nghèo thấy mỡ to*, chính là những thành ngữ miêu tả chân thực gia cảnh nghèo khổ của nhân vật. Ví dụ:

"*Vậy mà ai nấy đều vui, bởi cuộc sống trước đây của họ còn nghèo hơn, nghèo không thể tả, nghèo rớt mùng toi, người ở chùa, người bán vé số, người ngủ công viên, người hát rong, ít ai có nhà để về.*" [6, tr.92].

"*Tóc Minh Thu đen mịn, óng mượt chưa dài phủ xuống lưng. Con gái tóc nhiều, tóc dày khi lớn nghèo xơ nghèo xác chứ chẳng hay ho gì.*" [1, tr.564].

Ngược lại, những thành ngữ: "*lắm của nhiều tiền, ông nọ bà kia, thế gia vọng tộc, nho phong gia giáo*" là những thành ngữ miêu tả về gia thế, về quyền lực và sự danh giá của những con người ăn trên ngồi trước trong xã hội. Còn thành ngữ "*mẹ gà con vịt*" lại đề cập đến một cảnh ngộ đáng cảm thông và chia sẻ mà những đứa con của nhân vật Chín Đạt sẽ phải gánh chịu nếu một mai ông bước thêm bước nữa sau khi vợ ông qua đời: cảnh mẹ ghẻ và con chồng là nguyên nhân gây nên sóng gió trong gia đình: "*Già dụ mình bỏ anh mà đi thì*

anh cũng sống ở vậy nuôi con. Cảnh mẹ gà con vịt hồi nào tới giờ mấy khi thuận thảo.” [3, tr.259]. Hay hoàn cảnh đã một lần tan vỡ hoặc mất mát trong tình cảm vợ chồng của một anh thanh niên hiền lành, tốt bụng: “Tía đừng nói vậy mà con đắc tội. Tía má đã thương con, không chê con nghèo khổ lại gầy gánh giữa đường, đã gây dựng cho con và em Hai. Con mang ơn tía má.” [2, tr.92].

Qua các ngữ cảnh trên, có thể thấy được hiệu quả biểu đạt thật giá trị của thành ngữ trong việc miêu tả cảnh ngộ, thân phận của nhân vật. Những mảnh ghép nhiều hình dáng và nhiều các sắc màu của các thân phận, cảnh ngộ nhân vật đã tái hiện nên một thế giới nhân vật phong phú và đa dạng.

2.3.3. Hành động, ứng xử

Qua cách dùng thành ngữ để miêu tả hành động nhân vật, chúng ta thấy được cái hay trong ngòi bút của các nhà văn ĐBSCL khi sử dụng rất tự nhiên và tinh tế các thành ngữ. Ví dụ: “Vợ ông, một người đàn bà ghen nổi tiếng, không coi việc làm của chồng là hành động vì tình thương và trách nhiệm mà là mưu mẹo của cọp nuôi mềnh, bù cắc nuôi gà con. Sợ mang tiếng ác, bà không nói thẳng mà nói rằng nuôi hát bội trong nhà xui xẻo lắm, như nuôi ong tay áo.” [3; tr.239].

“Nuôi ong tay áo” là một thành ngữ chỉ những hành động dặt dẹo, vô tình đem cái nguy hại hoặc thiệt thòi theo bên mình. Ở đây, khi thấy chồng mình đem một bé gái bất hạnh có năng khiếu ca hát về nuôi dưỡng, lo sợ chồng mình có mưu đồ xấu “mưu mẹo của cọp nuôi mềnh, bù cắc nuôi gà con” trong việc làm này, người vợ lập tức nói bóng gió một cách khéo léo với chồng việc mình không đồng ý, đồng thời dùng thành ngữ “nuôi ong tay áo” để thuyết phục chồng: đây là hành động chuốc xui xẻo, hiểm nguy như việc làm ngu ngốc nuôi con ong trong tay áo mình. Lí lẽ mà người vợ đưa ra vì thế mà có cơ sở và cũng nhờ đó mà tránh được sự cãi vã, bất hòa trong gia đình. Có thể dẫn ra một vài trường hợp khác như:

“Các con tới ở đây nên coi nhà má như nhà mình, chớ giữ ý giữ tư kiểu đó là má giận.” [3, tr.140].

“Cô gái ôm ghì chiếc áo trẻ bộ ngực còn đượm những giọt sương trong, cười dịu dàng luyến luyến “trách hờn”: “Thôi đừng có già mù sa mưa nữa, ông tướng ạ...” [5, tr.116].

“Qua phà Cần Thơ rồi qua phà Mỹ Thuận. Tôi ngồi im như thóc vì...ông cụ hoàn toàn im lặng.” [3, tr. 280].

Như vậy, khi người viết đưa thành ngữ vào những trường hợp cần diễn tả hoạt động, việc làm thì lời dẫn truyện hay lời nói của nhân vật sẽ vừa ngắn gọn, súc tích, vừa diễn tả một cách sống động và hấp dẫn việc làm, hành động của nhân vật.

2.3.4. Tâm trạng, thái độ

Trong các truyện ngắn ĐBSCL, có thể thấy rằng thành ngữ miêu tả tâm trạng nhân vật xuất hiện khá nhiều. Bằng các thành ngữ này, các tác giả đã diễn tả một cách sinh động và tinh tế xúc cảm của các nhân vật. Chẳng hạn: Đó có thể là tâm trạng lo sợ, hoảng hốt: “Lão ria xồm nhanh trí tới thà nắm tiền xuống mếp bàn rồi đi thụt lùi khuyển khoang ra phía cổng, ba lão kia xanh mặt xanh mày nhón nhén bước theo sau, đám khách nước ngoài xô lên cười rồi cũng tán bộ về khách sạn gần đó.” [3, tr.403] hay “Tôi cũng hoàn toàn không biết là chi trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau, một trận đánh lớn đã xảy ra cùng một lúc trên khắp miền Nam, trận Tổng tấn công mùa xuân Mậu Thân làm cho Mỹ nguy kinh hồn tán đờm.” [3, tr.141]. Hay sự lúng túng, vụng về trong cách ăn nói, xử sự: “Trống ngực tôi đập thành thịch. Bực thật! Tôi đâu phải là loại con trai nhát gái, không biết cách ăn nói: vậy mà đứng trước em tôi như gà mắc tóc” [1, tr.225] và “Chị Út chi tay vào Tâm Xia hỏi: Con chú tỉnh sao? Tâm Xia bị cú đòn đột ngột, chi dà dà, tôi sẽ tỉnh. Cả cuộc họp nhao lên. Cán bộ phải gương mẫu thì dân mới theo chứ. Tâm Xia lúng túng như gà mắc đẽ, mặt cúi xuống đỏ bừng, ú ớ.” [3, tr.172]. Hoặc tâm trạng lo âu, buồn bã: “Tuần đó, Thuận không đến. Tôi đứng ngồi không yên, ăn ngủ cũng không yên.” [3, tr.405] hay “Ở bệnh viện Thống Nhất mấy năm buồn thúi ruột, nên bác sĩ thấy tôi

nghiệp cho qua đây thay đổi không khí coi có vui chút nào không, ..." [3, tr.184]. Đặc biệt, có một thành ngữ mà các tác giả ĐBSCL hay dùng, đó là "tinh bơ ba khía". Có thể nói, đây là một thành ngữ đậm đặc chất Nam bộ, mộc mạc và hóm hỉnh. Ví dụ: "*Vậy mà bây giờ lạnh lẽo, tan hoang như đồng sau bão, đến nỗi hay tin Thường lấy vợ, Hậu dùng dùng dùng, tinh bơ ba khía.*" [6, tr.155].

Chính những thành ngữ miêu tả tâm trạng, trạng thái nhân vật đã giúp cho thế giới nhân vật trong truyện ngắn ĐBSCL trở nên ấn tượng, sinh động và chân thật hơn. Nó khắc họa hết những sắc màu cảm xúc rất đa dạng, phong phú trong từng ngõ ngách tâm hồn nhân vật. Tuy nhiên, đó là những diễn biến tâm lí mang tính nhất thời, thoáng qua và chỉ gắn liền với chi tiết, hoàn cảnh trong câu chuyện. Đây cũng là một hạn chế chịu ảnh hưởng của thể loại truyện ngắn không đòi hỏi sự dụng công trong miêu tả tâm trạng nhân vật.

2.3.5. Tính cách

Bằng những nét chấm phá đơn sơ nhưng tỉ mỉ, hình ảnh những con người nhiều tính cách khác nhau lần lượt xuất hiện trong các tác phẩm. Tính cách hiền hòa, chất phác, trọng tình trọng nghĩa của những con người miệt vườn sông nước hiện lên thật sinh động và đáng yêu. Người miền Tây vốn thật hiền lành, thật thà, chất phác: "*Trở về, thấy những gì mua cho tôi đều còn nguyên vẹn, nàng thật thà nói: Không ăn được sao anh không nói để em mua thứ khác. Tội nghiệp anh quá hà! Linh gì mà thật thà như đất.*" [1, tr.555]; "*Cuối cùng nó cũng lấy chồng. Một anh chàng hiền như bụt đất.*" [1, tr.283]. Với họ, sự trọng tình trọng nghĩa là một tính cách đặc trưng: "*Chị Hoài vừa đi vừa khóc. Lời của anh Hết làm chị Hào thương điếng trong lòng. Con người này, nghĩa biết trọng mà tình cũng thâm.*" [6, tr.36].

Đặc biệt, trong mọi việc làm, hành động, những con người miền Tây vốn rất xuề xòa, không toan tính thiệt hơn. Khi họ làm một việc gì đó, giúp ai một điều gì đó thì chỉ đơn giản là vì họ thấy cần thiết phải làm và làm vì nghĩa vì tình chứ không nghĩ đến việc cần phải được

trả ơn, được báo đáp. Điều này được thể hiện rõ qua những thành ngữ như: *thi ân bất cầu báo, của ít lòng nhiều,...* Ví dụ:

"*Thế là bác quay vào nhà mang ra đủ thứ đã cụ bị cho lão. Khi thì khoai chuối, cá khô. Khi thì chiếc sơ-mi, đôi dép lộn ra từ chân bác mang vào cho đôi chân trần của lão. Mọi thứ đã trở thành quen thuộc như là một lẽ đương nhiên ở con người thi ân bất cầu báo như bác Lâm khiến lão cũng đón nhận như một người thân không cần khách sáo.*" [3, tr.216].

"*Bà vợ hậu đậu và mấy đứa nhỏ cũng không đến nỗi nào nhờ cả xóm gom góp đỡ dần "của ít lòng nhiều" - chưa bao giờ tôi cảm nhận sâu sắc như vậy câu thành ngữ quen thuộc ông bà để lại vậy.*" [2, tr.682].

Không những thế, tính cách chăm chỉ, hay lam hay làm là một nét đáng yêu vốn có của những người dân vùng cây trái bạt ngàn. Họ luôn say mê lao động và lao động rất siêng năng, dù rằng sau kết quả vẫn là những chuỗi ngày thiếu thốn, khó khăn trăm bề: "*Bà Lành đã ở tuổi gần sáu mươi, mái tóc muối tiêu bới cao, vóc người đậm đà, bà có vẻ đẹp của người phụ nữ chịu thương chịu khó*" [4, tr.84] hay "*Nếu chịu cực chịu khổ thì cũng được cô à. Ở, ... với lại phải biết tính nữa.*" [1, tr.486].

Như vậy, tính cách trọng nghĩa khinh tài, phóng khoáng, chân chất của con người Nam bộ đã được thể hiện thật mộc mạc tự nhiên qua những lời văn nhẹ nhàng như lời trần tình tâm sự của nhân vật và của chính tác giả. Những thành ngữ "*thật thà như đất*", "*hiền như bụt đất*", "*của ít lòng nhiều*", "*vào sanh ra tử*", "*dám làm dám chịu*", "*thi ân bất cầu báo*" như những cây bút màu thần kì tô đậm thêm những nét tính cách đáng quý, đáng trân trọng ở những con người tuy về ngoài bình thường nhưng ẩn chứa bên trong là một tấm lòng trong sáng, đầy ấp nghĩa tình. Đặc biệt, thế giới nhân vật trong truyện ngắn ĐBSCL cũng thật đa dạng với nhiều tuyến nhân vật phản diện hoặc đôi khi được tác giả miêu tả kèm theo những nét tính cách tiêu cực: *ngồi mát ăn bát vàng, tham công tiếc việc, ngồi lê đôi mách,...*

Qua những thành ngữ miêu tả tính cách, thế giới nhân vật cũng như hình ảnh con người

miệt vườn sông nước Cửu Long đã hiện lên thật rõ nét, gần gũi. Một hạn chế vốn có của việc miêu tả tính cách nhân vật của những truyện ngắn ĐBSCL là vẫn chưa đi khắc họa, xây dựng được những nhân vật điển hình để trở thành hình tượng nhân vật. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của thể loại truyện ngắn vốn chú trọng vào tình tiết và cốt truyện, thì đây là một hạn chế rất tự nhiên, nó không làm giảm đi nét đặc sắc trong việc xây dựng hình ảnh con người miệt vườn Cửu Long của các tác giả.

3. Kết luận

Qua ngòi bút và cái nhìn tinh tế của mình, các tác giả đã biến thành ngữ thành chất liệu ngôn từ đặc sắc nhằm vẽ nên bức tranh đồng bằng thật sống động và màu sắc với nhiều chi tiết khác nhau: thiên nhiên-đất trời, cuộc sống xã hội và hình ảnh con người. Hơn nữa, việc vận dụng thành ngữ vào truyện ngắn ĐBSCL còn giúp đưa độc giả đến gần hơn với miền đất này. Đó là những bức tranh thiên nhiên của vùng đồng bằng châu thổ với cảnh vật tuy vẫn còn rất đơn sơ, lạc hậu, cuộc sống vẫn còn nhiều thiếu thốn, khó khăn nhưng thật thơ mộng, tĩnh lặng và tinh khiết. Đó là mảnh đất của yêu thương gắn bó nghĩa tình, của yên bình và giản dị, của mệnh mông sông nước và cây trái bạt ngàn. Ngoài ra, dù cuộc sống mưu sinh hàng ngày còn nhiều vất vả và hiện thực xã hội còn lắm phức tạp, tiêu cực, nhưng những con người quanh năm lao động vất vả vẫn ngời lên những nét tính cách đáng quý, đáng trân trọng: trọng nghĩa khinh tài, nhân hậu, phóng khoáng, chân chất và bình dị.

Chính những thành ngữ mà các nhà văn sử dụng đã đem đến hiệu quả biểu đạt thật giá trị cho tác phẩm. Tất cả đã tạo nên những trang viết đẹp trong lòng độc giả...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Đức Dân (1986), *Ngữ nghĩa thành ngữ và tục ngữ- sự vận dụng*, Ngôn ngữ, 3, 1- 11.

3. Vũ Dung - Vũ Quang Hào - Vũ Thúy Anh (2000), *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, Nxb Văn hóa, TP HCM.

4. Nguyễn Thiện Giáp (1975), *Về khái niệm thành ngữ tiếng Việt*, Ngôn ngữ, 3, 45-52.

5. Lê Bá Hán - Trần Đình Sử - Nguyễn Khắc Phi (1997), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

6. Hoàng Văn Hành (chủ biên) (2002), *Kể chuyện thành ngữ - tục ngữ*, Nxb KHXH, Hà Nội.

7. Hoàng Văn Hành (2004), *Thành ngữ học tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.

8. Đái Xuân Ninh (1978), *Hoạt động của từ tiếng Việt*, Nxb KHXH, Hà Nội.

9. Nguyễn Văn Nở (2007), *Tục ngữ- Ngữ cảnh và hình thức thể hiện*, Ngôn ngữ, 2, 53-64.

NGŨ LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban liên lạc Hội Nhà văn Việt Nam tại Đồng bằng sông Cửu Long (2003), *Tuyển tập 18 nhà văn Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Mũi Cà Mau.

2. Hội Nhà văn Việt Nam (1996), *Tuyển tập truyện ngắn đồng bằng sông Cửu Long 1975-1995*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.

3. Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Cần Thơ (2003), *Văn & Thơ Cần Thơ*, Nxb Cần Thơ, Cần Thơ.

4. Nhà xuất bản Trẻ (1999), *Truyện ngắn miền Tây (tập 1)*, Nxb Trẻ, TPHCM.

5. Nhà xuất bản Trẻ (1999), *Truyện ngắn miền Tây (tập 2)*, Nxb Trẻ, TPHCM.

6. Nguyễn Ngọc Tư (2010), *Cánh đồng bất tận*, Nxb Trẻ, TPHCM.

Abstract: In this article, from the survey results of idioms used in Mekong Delta short stories, we want to highlight the expressive value of idioms in three aspects: describe nature, reflect a social reality and outline the human image.

Key words: idioms; short stories; Mekong Delta; expressive.